TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01 /2020/ ST-DS
Ngày 10 -7 -2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Luân và bà Nguyễn Thị Huyền .

-Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Hoàng Văn Dũng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu tham gia phiên tòa: Bà Tường Thị Thủy, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2020/TLST-DS, ngày 03 tháng 02 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST- DS ngày 12/5/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1953; Địa chỉ: Bản Đ 2, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La, có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Phan Văn A, sinh năm 1974, chị Nguyễn Thị H, sinh 1977; Địa chỉ: Bản K 2, xã Y, huyện Y, tỉnh Sơn La, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 01 năm 2020 và đơn bổ sung ngày 20/4/2020 nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Vào ngày 27/02/2017 vợ chồng anh Phan Văn A, chị Nguyễn Thị H, trú tại bản K 2, xã Y, huyện Y, tỉnh Sơn La có mua nợ thức ăn chăn nuôi gia súc (cám lợn) của gia đình ông (gia đình ông làm đại lý bán thức ăn chăn nuôi gia súc). Đến

ngày 06/7/2017 cả hai bên đã cộng sổ tổng số tiền là 55.161.000đ, gia đình ông A, bà H phải trả cho ông T. Vào ngày 21/8/2017 vợ chồng anh A và chị H đã thanh toán được cho ông (T) số tiền là 16.100.000đ, còn nợ lại 39.000.000đ và vợ chồng ông A và bà H xin khất nợ và hẹn sẽ trả nợ vào khi bán lứa lợn tiếp theo. Đến ngày 19/12/2017 ông T đã đến đòi thì vợ chồng A, H nói với lý do là hôm nay có tiền, nhưng mùng 2 là đầu tháng vợ chồng A, H không trả, hẹn cuối tháng sẽ trả số nợ còn lại cho ông T. Đến cuối tháng ông A, bà H vẫn không trả cho đến nay vẫn còn nợ ông T 39.000.000đồng. Ông T đề nghị vợ chồng A, H phải trả cho ông số tiền gốc 39.000.000đ và tiền lãi chậm trả 10%/năm từ ngay 21/8/2017 cho đến nay.

Bị đơn ông Phan Văn A, bà Nguyễn Thị H trình bày:

Ông A và bà H với ông Nguyễn Văn T không có mối quan hệ anh em gì mà chỉ quen biết nhau qua mua cán lợn, cụ thể vào năm 2017 vợ chồng ông A, bà H có mua cám lợn của ông Nguyễn Văn T. Việc mua, bán cám giữa ông Tảo và ông An, bà Hạnh. Lúc đầu thì mua đến đâu trả tiền đến đấy, về sau ông Tảo chở vào cho khoảng 2 đến 3 chuyến (ông B bản M là người chở giúp cho ông T). Sổ sách thì ông T là người ghi vào sổ nợ của ông và khi ông A, H trả nợ thì cũng không ghi giấy tờ gì. Đến lúc bán lợn vào ngày 01, 02 tháng 12 năm 2017 vợ chồng ông T vào đòi nợ tiền cám lợn, ông T dở sổ ra thì ông A, bà Hạnh còn nợ tiền cám ông T là 39.000.000đ, ông T yêu cầu vợ chồng A, H phải trả cho ông T số tiền trên, vợ ông là chị H nói với vợ chồng ông T là " Ông bà ơi hôm nay là ngày 01, 02 là đầu tháng chưa ra tiền, cháu không trả trước cũng sẽ trả sau, hôm nào cháu bán lợn gọi ông bà lên cháu trả tiền..." ông A cũng có nói với vợ chồng ông T: " gặp phải ông bà cũng thế thôi ngày 01, 02 đầu tháng chưa trả tiền được 39.000.000đ, chứ 390.000.000đ cũng phải trả, hôm nào cháu bán lợn cháu gọi ông bà lên cháu trả tiền". Ngày 14 tháng 12 (âm lịch) năm 2017 ông T có đến nhà ông A hỏi số tiền trên, vợ anh A là bà H Hạnh lấy tiền ra trả hết cho ông T, gia đình không còn nợ ông T đồng nào nữa. Khi trả tiền cho ông T xong, ông T có hỏi vợ chồng ông, H: " Các cháu có lấy cám nữa không, để chú chở vào cho ?", ông An trả lời: " Cháu không lấy nữa ", ông Tảo đứng dậy ra về và nói: " chúng mày hết nợ tao vẫn làm cho chúng mày còn nợ. Ông A bảo: "chú sao lại nói thế ?" ông T trả lời: " tao còn có ghi âm lần trước". Từ ngày đó ông A, bà Hạnh không gặp lại ông T nữa, nay ông T khởi kiện yêu cầu ông A, H trả số tiền nợ 39.000.000đ, ông A, bà H đề nghị Tòa án không chấp nhận đề nghị trên vì ông A, H đã trả cho ông T hết số nợ trên.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật và trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

*.Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết xét xử vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi Hội đồng xét xử nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án, đã thục hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

*. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, bản tự khai của các đương sự tại phiên tòa thấy rằng việc lấy thức ăn chăn nuôi (cám lợn) giữa hai bên là có thực. cả hai bên đã cộng sổ tổng số tiền là 55.161.000đ, đến ngày 21/8/2017 vợ chồng ông A và bà H đã thanh toán được cho ông T số tiền là 16.161.000đ, còn nợ lại 39.000.000đ và vợ chồng ông A và bà H khất trả nợ vào bán lứa lợn tiếp theo sau sẽ trả. Tòa án xác định là quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản là có căn cứ đúng pháp luật.

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu có trong hồ sơ cũng như kết quả tranh luận tại phiên tòa của những người tham gia tố tụng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, do vậy cần chấp nhận toàn bộ nội dung đơn khởi kiện.

Căn cứ Điều 430, 440, 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn ông Phan Văn A, bà Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm trả số tiền 39.000.000đ và tiền lãi suất chậm trả từ ngày hẹn trả nợ cuối tháng 12 năm 2017 cho đến nay là 30 tháng 09 ngày tiền lãi suất là 9.820.200đ.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 cần buộc bị đơn anh Phan Văn A, chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông Nguyễn Văn T là nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn là anh Phan Văn A và chị Nguyễn Thị H trả số tiền nợ mua thức ăn chăn nuôi gia súc, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật đang tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La thụ lý, giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự quy định về thời hiệu khởi kiện về hợp đồng là 03 năm kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết quyền và lợi hợp pháp của mình bị xâm phạm. Do đó đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn T vẫn trong thời hiệu khởi kiện.

[4] Về nội dung tranh chấp: Việc mua bán tài sản (Mua bán thức ăn chăn nuôi lợn) giữa ông Nguyễn Văn T với vợ chồng anh Phan Văn A, chị Nguyễn Thị H vào năm 2017 là có thực tế, bởi lẽ tại các biên bản xác minh ngày 06 và 11 tháng 5 năm 2020 của Tòa án đã ghi nhận điều đó. Hơn nữa tại bản tự khai, tại biên bản ghi lời khai, tại biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa các đương sự đều xác nhận với nhau là có thực tế, số tiền mà anh A, chị H còn nợ lại ông T là 39.000.000đ (ba mươi chín triệu đồng). Ngày 19/12/2017 ông T có đến nhà anh A, chị H đòi nợ nhưng vào ngày đầu tháng (ngày 02/11/2017 âm lịch), anh A, chị H chưa trả, xin khất cuối năm bán lợn sẽ trả cho ông T sau. Khi gia đình A, H không trả ông T có đến đòi nợ nhưng bị đơn, anh A, chị H chối nợ không trả, anh A, chị H cho rằng đã trả hết cho ông T số tiền 39.000.000đ (ba mươi chín triệu đồng) vào ngày 14 tháng 12 năm 2017 âm lịch.

Tại phiên tòa anh A, chị H không chấp nhận đề nghị trên của ông Nguyễn Văn T vì họ đã trả hết số tiền trên cho ông T. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã có thông báo yêu cầu cung cấp bổ sung chứng cứ ngày 14/02/2020 yêu cầu anh A, chị H cung cấp cho Tòa án các chứng cứ, chứng minh cho việc anh A, chị H đã trả nợ cho ông T 39.000.000đ (ba mươi chín triệu đồng). Anh A, chị H không cung cấp tài liệu, chứng cứ và nói rằng việc trả nợ cho ông T không có ai chứng kiến ngoài vợ chồng anh và ông T. Như vậy vợ chồng A, H phản đối yêu cầu của ông T đối với mình phải cung cấp tài liệu, chứng cứ cho T để chứng minh cho việc phản đối đó là có căn cứ và hợp pháp. Anh A, chị H không có căn cứ chứng minh được mình đã trả tiền cho ông T số tiền 39.000.000đ (ba mươi chín triệu đồng). Như vậy anh A, chị H vẫn còn nợ ông Tảo số tiền này và phải có nghĩa vụ trả số nợ trên cho ông T cùng với lãi xuất phát sinh từ ngày hẹn trả mà không trả (hết năm 2017) cho đến ngày xét xử ngày 10/7/2020, như Kiểm sát viên đã đề nghị tại phiên tòa là có căn cứ đúng pháp luật. Tại đơn khởi kiện và phiên hòa giải, cũng như tại phiên tòa ông Nguyễn Văn T yêu cầu vợ chồng A, H phải trả lãi 10%/năm là phù hợp với pháp luật cần chấp nhận. Theo sự thỏa thuận giữa các bên anh A, chị H hẹn trả nợ vào cuối năm 2017, nhưng đến nay chưa trả là vi phạm nghĩa vụ. Theo quy định tại khoản 3 Điều 440 BLDS năm 2015 quy đinh*: " Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này"*. Điều 357 BLDS quy đinh: *" 1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.*

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này." Như vậy việc ghi nhận nợ tiền mua cám giữa hai bên chỉ thể hiện số nợ còn lại và thời gian hẹn trả là cuối năm 2017, chứ không thỏa thuận về lãi suất nên tòa chấp nhận mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS cụ thể như sau: Mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS là 20%/năm tương đương với 1,66%/tháng. Mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS là 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS (tức là 1,66% : 2 = 0,83%/tháng). Theo quy định trên cần buộc anh Phan Văn A và chị Nguyễn Thị H trả số tiền gốc 39.000.000đồng (ba mươi chín triệu đồng) với lãi suất đối với số tiền chậm trả với thời gian chậm trả từ ngày 01/01/2018 cho đến ngày xét xử 10/7/2020 là 30 tháng 09 ngày cụ thể như sau:

Tiền lãi xuất là: (39.000.000 đồng x 0,83% x 30 tháng) + (39.000.000đồng x 0,028 x 9 ngày) = 9.820.200 đồng.

Tổng cả gốc và lãi tính đến ngày 10/7/2020 là: 39.000.000đồng + 9.820.200 đồng = 48.820.200 đồng (Bốn mươi tám triệu tám trăm hai mươi nghìn hai trăm đồng).

Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn T đề nghị tính lãi trên số tiền chậm trả từ ngày 21/8/2017 cho đến ngày xét xử thấy là không đúng, tòa không chấp nhận, vì từ ngày vợ chồng A, H trả số tiền hơn 16.000.000đ, còn lại 39.000.000đ. Đến 19 /12/2017 ông T đến đòi nợ nhưng vợ, chồng A, H khất nợ đến đến cuối năm 2017 sẽ trả nốt số nợ trên, ông T nhất trí cho khất, nhưng hết năm 2017 vợ chồng A, H không trả đến lúc này ông T mới biết quyền lợi của mình bị xâm phạm, nên lãi xuất sẽ được tính từ ngày 01/01/2018 trở lại đây.

[5] Về án phí: Anh Phan Văn A, chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, đó là 5% của số tiền mà vợ chồng A, H phải trả cho ông T. Ông Nguyễn Văn T được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 440, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn T. Buộc bị đơn anh Phan Văn A, chị Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền nợ gốc: 39.000.000đ (Ba mươi chín triệu đồng) và tiền lãi phát sinh

trên số nợ gốc từ ngày 01/01/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 10/7/2020 là 9.820.200đ (Chín triệu tám trăm hai mươi nghìn hai trăm đồng). Cộng cả gốc và lãi là 48.820.200 đ (Bốn mươi tám triệu tám trăm hai mươi nghìn hai trăm đồng)

" Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015".

2.Về án phí: Anh Phan Văn A, chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm dân sự 2.441.010 đ (Hai triệu bốn trăm bốn mươi mốt nghìn không trăm mười đồng). Ông Nguyễn Văn T được hoàn trả lại số tiền án phí đã nộp là 975.000đ (Chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2016/0004783 ngày 03/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 10 tháng 7 năm 2020 các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Viện kiểm sát tỉnh;
-Tòa án tỉnh;
-Viện kiểm sát huyện ;
-Thi hành án dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ toạ phiên toà
(đã ký)

Hoàng Văn Bình

.